

UBND TỈNH LÀO CAI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP, CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP VÀ CÔNG NHẬN DANH HIỆU

KỲ XÉT TỐT NGHIỆP THÁNG 02 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-CDLC ngày tháng 3 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lào Cai)

TT	Mã HSSV	Họ và tên	Ngày sinh	TBC HT	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Xếp loại TN	Lý do hạ bậc	Danh hiệu
I	CAO ĐẲNG KẾ TOÁN K22A							15	
1	2263403010001	Nguyễn Thị Ngọc Anh	25/10/2003	3,61	88	Tốt	Xuất sắc		Cử nhân thực hành
2	2263403010003	Vũ Thị Ngọc Anh	21/10/2004	3,06	81	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
3	2263403010004	Vũ Thị Thúy Hằng	17/10/2004	3,10	81	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
4	2263403010005	Nguyễn Thị Hoa	01/7/2002	3,27	82	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
5	2263403010006	Hoàng Thị Thu Hường	28/3/2003	3,79	87	Tốt	Xuất sắc		Cử nhân thực hành
6	2263403010008	Vũ Hoài Linh	12/01/2003	3,53	87	Tốt	Xuất sắc		Cử nhân thực hành
7	2263403010012	Trần Thị Ngần	05/4/2004	3,92	94	XS	Xuất sắc		Cử nhân thực hành
8	2263403010014	Chín Thị Sách	20/10/2004	3,58	88	Tốt	Xuất sắc		Cử nhân thực hành
9	2263403010064	Nguyễn Phương Thảo	06/11/2003	3,69	83	Tốt	Xuất sắc		Cử nhân thực hành
10	2263403010017	Trịnh Thị Thanh Thư	08/9/2002	3,21	83	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
11	2263403010019	Lê Minh Tiến	09/3/2003	3,58	87	Tốt	Xuất sắc		Cử nhân thực hành
12	2263403010065	Nguyễn Quang Minh	02/01/2004	3,92	87	Tốt	Xuất sắc		Cử nhân thực hành
13	2263403010023	Nguyễn Thị Thu Yến	06/5/2002	3,53	83	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành

TT	Mã HSSV	Họ và tên	Ngày sinh	TBC HT	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Xếp loại TN	Lý do hạ bậc	Danh hiệu
14	2263403010062	Lò Văn Khánh	14/12/2004	3,84	89	Tốt	Xuất sắc		Cử nhân thực hành
15	2263403010060	Lương Ngọc Ánh	07/8/2004	3,78	84	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
II	CAO ĐẲNG QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN K22							19	
1	2268102010001	Phạm Văn Chiến	20/6/2004	3,68	90	XS	Xuất sắc		Cử nhân thực hành
2	2268102010002	Ngô Thị Kim Cúc	01/02/2004	3,11	84	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
3	2268102010005	Vũ Thị Dương	01/02/2004	3,40	85	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
4	2268102010007	Triệu Văn Hiếu	14/9/2004	3,80	90	XS	Xuất sắc		Cử nhân thực hành
5	2268102010008	Bùi Ngọc Hòa	21/01/2004	3,20	83	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
6	2268102010009	Thào Văn Hùng	10/3/2002	2,99	82	Tốt	Khá		Cử nhân thực hành
7	2268102010011	Tòng Xuân Kỳ	13/12/2004	3,28	85	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
8	2268102010013	Phạm Hải Nam	27/11/2004	3,11	82	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
9	2268102010012	Má Văn Luận	05/11/2004	3,05	81	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
10	2268102010014	Đặng Yên Nhi	23/02/2003	3,43	83	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
11	2268102010017	Sùng A Sáng	14/02/2002	2,91	83	Tốt	Khá		Cử nhân thực hành
12	2268102010022	Phạm Thùy Trang	23/02/2004	3,52	90	XS	Xuất sắc		Cử nhân thực hành
13	2268102010018	Vù A Sáu	12/01/2004	2,44	77	Khá	Trung bình		Cử nhân thực hành
14	2268102010019	Hoàng Thị Thu Thắm	29/8/2004	3,01	85	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
15	2268102010020	Giàng Si Thoàng	03/11/2004	2,51	81	Tốt	Khá		Cử nhân thực hành
16	2268102010025	Hoàng Kim Hiệu	26/8/2004	3,48	86	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
17	2268102010026	Lâm Thúy Ngân	19/6/2003	3,33	84	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành

TT	Mã HSSV	Họ và tên	Ngày sinh	TBC HT	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Xếp loại TN	Lý do hạ bậc	Danh hiệu
18	2268102010031	Phàn Láo Lở	06/10/2004	2,88	80	Tốt	Khá		Cử nhân thực hành
19	2268102010032	Sùng A Lờ	01/01/2004	2,36	72	Khá	Trung bình		Cử nhân thực hành
III	CAO ĐẲNG QUẢN TRỊ DU LỊCH K22							13	
1	2268101010003	Nông Văn Cương	06/3/2003	2,57	77	Khá	Khá		Cử nhân thực hành
2	2268101010007	Hoàng Thị Yến Nhi	10/10/2004	3,24	85	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
3	2268101010011	Nguyễn Đình Thành	01/02/2004	3,23	82	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
4	2268101010010	Lý Văn Thân	09/5/2004	3,08	87	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
5	2268101010012	Khâm Thị Thoa	19/4/2004	3,44	82	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
6	2268101010014	Bàn Thảo Vân	03/8/2004	3,28	88	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
7	2268101010015	Tần Láo Cáo	29/10/2001	3,04	78	Khá	Giỏi		Cử nhân thực hành
8	2268101010022	Lý San Mảy	01/3/2004	3,63	88	Tốt	Xuất sắc		Cử nhân thực hành
9	2268101010016	Hà Minh Cường	30/10/2001	3,35	82	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
10	2268101010028	Vi Văn Tuấn	17/5/2003	2,36	79	Khá	Trung bình		Cử nhân thực hành
11	2268101010004	Phạm Đức Hiệp	23/10/1999	3,72	94	XS	Xuất sắc		Cử nhân thực hành
12	2268101010006	Giàng Tấn Minh	26/3/2004	2,89	79	Khá	Khá		Cử nhân thực hành
13	2268101010008	Thùng Thị Phụng	15/01/2004	3,19	81	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
IV	CAO ĐẲNG TIẾNG TRUNG QUỐC K22A							28	
1	2262202090001	Hù Đức An	28/03/2004	2,54	80	Tốt	Khá		Cử nhân thực hành
2	2262202090003	Nguyễn Diệu Anh	17/03/2004	3,04	79	Khá	Giỏi		Cử nhân thực hành
3	2262202090010	Hoàng Thị Hoài	29/12/2002	3,66	88	Tốt	Xuất sắc		Cử nhân thực hành
4	2262202090013	Lềng Thị Lan	05/06/2003	3,28	82	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành

TT	Mã HSSV	Họ và tên	Ngày sinh	TBC HT	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Xếp loại TN	Lý do hạ bậc	Danh hiệu
5	2262202090008	Đặng Thị Đài	18/04/2004	3,88	91	XS	Xuất sắc		Cử nhân thực hành
6	2262202090009	Đào Hải Dương	07/12/2004	3,18	85	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
7	2262202090014	Hoàng Thị Mai Lim	24/12/2004	2,33	77	Khá	Trung bình		Cử nhân thực hành
8	2262202090015	Phan Thanh Thùy Linh	29/04/2004	2,93	77	Khá	Khá		Cử nhân thực hành
9	2262202090011	Trần Thị Thu Huyền	10/10/2004	3,39	84	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
10	2262202090012	Nguyễn Hồ Nguyệt Kiều	04/10/2003	2,94	84	Tốt	Khá		Cử nhân thực hành
11	2262202090018	Phạm Thị Nhu	22/11/2004	3,29	81	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
12	2262202090017	Tân San Mây	03/02/2004	3,65	84	Tốt	Xuất sắc		Cử nhân thực hành
13	2262202090022	Đặng Thị Sâu	09/02/2004	3,95	92	XS	Xuất sắc		Cử nhân thực hành
14	2262202090024	Hoàng Minh Thành	03/11/2004	2,89	81	Tốt	Khá		Cử nhân thực hành
15	2262202090021	Nguyễn Thị Quý	01/11/2003	3,27	85	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
16	2262202090027	Lò Thị Trang	12/07/2004	2,87	78	Khá	Khá		Cử nhân thực hành
17	2262202090025	Hoàng Văn Thương	23/04/2004	3,11	79	Khá	Giỏi		Cử nhân thực hành
18	2262202090026	Long Ngọc Tiến	14/10/2004	3,24	81	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
19	2262202090034	Trần Thị Vui	03/04/2003	3,46	83	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
20	2262202090035	Lương Ngọc Yến	10/09/2004	3,36	87	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
21	2262202090080	Lý Thị Thu Hương	18/02/2004	3,2	87	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
22	2262202090031	Bàn Thị Thu Uyên	19/04/2004	3,05	83	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
23	2262202090032	Dì Thị Vân	15/08/2004	3,46	81	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
24	2262202090036	Lương Thị Thu Yến	05/11/2004	2,93	84	Tốt	Khá		Cử nhân thực hành
25	2262202090081	Hà Thị Thời	07/10/2004	2,98	76	Khá	Khá		Cử nhân thực hành

TT	Mã HSSV	Họ và tên	Ngày sinh	TBC HT	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Xếp loại TN	Lý do hạ bậc	Danh hiệu
26	2262202090084	Giàng Thị Vân	21/03/2004	3,95	90	XS	Xuất sắc		Cử nhân thực hành
27	2262202090090	Lương Đình Toàn	19/03/2004	3,08	81	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
28	2262202090091	Hoàng Thị Hoài	05/04/2003	3,41	87	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
V	CAO ĐẲNG TIẾNG TRUNG QUỐC K22B							25	
1	2262202090038	Trương Tuấn Anh	07/10/2000	3,52	86	Tốt	Xuất sắc		Cử nhân thực hành
2	2262202090004	Hàng Chinh	15/3/2004	2,88	82	Tốt	Khá		Cử nhân thực hành
3	2262202090039	Nguyễn Tiến Bảo	21/6/2004	3,01	80	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
4	2262202090005	Vàng Chinh	12/02/2004	3,02	83	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
5	2262202090040	Lò Thị Biền	06/7/2004	3,95	91	XS	Xuất sắc		Cử nhân thực hành
6	2262202090101	Tráng A Mùa	14/8/2004	3,28	81	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
7	2262202090043	Hoàng Mỹ Gia	01/6/2004	3,08	80	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
8	2262202090045	Sùng Seo Hòa	04/6/2003	3,28	83	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
9	2262202090085	Giàng Seo Rở	06/01/2004	2,93	79	Khá	Khá		Cử nhân thực hành
10	2262202090049	Phàng Thị Mây	19/01/2004	3,8	86	Tốt	Xuất sắc		Cử nhân thực hành
11	2262202090050	Tần San Mây	12/7/2004	3,46	82	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
12	2262202090054	Vàng Thị Nhân	12/10/2004	3,46	79	Khá	Giỏi		Cử nhân thực hành
13	2262202090056	Chang Thị Phúc	03/6/2004	3,37	82	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
14	2262202090057	Lò Thị Phương	18/3/2004	3,76	84	Tốt	Xuất sắc		Cử nhân thực hành
15	2262202090055	Ngải Seo Phong	03/8/2004	3,39	91	XS	Giỏi		Cử nhân thực hành
16	2262202090058	Lò Phù Sài	08/11/2004	3,64	87	Tốt	Xuất sắc		Cử nhân thực hành
17	2262202090061	Đặng Phương Thảo	11/9/2004	3,16	82	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành

TT	Mã HSSV	Họ và tên	Ngày sinh	TBC HT	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Xếp loại TN	Lý do hạ bậc	Danh hiệu
18	2262202090062	Sân Thị Thủy	06/6/2004	3,7	85	Tốt	Xuất sắc		Cử nhân thực hành
19	2262202090065	Lý Thị Tuyền	01/8/2004	3,9	90	XS	Xuất sắc		Cử nhân thực hành
20	2262202090066	Lương Quốc Việt	11/02/2004	3,16	81	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
21	2262202090071	Hồ Xuân Long	14/02/2004	2,99	81	Tốt	Khá		Cử nhân thực hành
22	2262202090076	Cư Tòa □	12/8/2003	3,25	81	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
23	2262202090094	Giàng Chính Huệ	29/11/2004	3,17	84	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
24	2262202090095	Giàng Seo Quang	24/10/2004	3,43	83	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
25	2262202090052	Vù A Nam	03/7/2004	2,73	80	Tốt	Khá		Cử nhân thực hành
VI	CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN K22							13	
1	2264802020001	Phạm Hoàng Anh	30/07/2004	3,09	79	Khá	Giỏi		Cử nhân thực hành
2	2264802020002	Lương Văn Bàn	11/11/2004	2,97	80	Tốt	Khá		Cử nhân thực hành
3	2264802020003	Sùng Seo Chấn	03/10/2004	3,45	89	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
4	2264802020007	Lý Văn Hàm	08/05/2004	2,99	90	XS	Khá		Cử nhân thực hành
5	2264802020009	Nguyễn Văn Hoàng	26/02/2004	2,77	79	Khá	Khá		Cử nhân thực hành
6	2264802020010	Trần Đăng Khoa	25/06/2003	2,6	79	Khá	Khá		Cử nhân thực hành
7	2264802020011	Lục Kim Minh	26/12/2003	2,84	81	Tốt	Khá		Cử nhân thực hành
8	2264802020013	Phàn Ngọc Sơn	10/08/2004	2,9	79	Khá	Khá		Cử nhân thực hành
9	2264802020015	Thào Seo Tú	24/12/2004	2,85	79	Khá	Khá		Cử nhân thực hành
10	2264802020016	Lữ Văn Thành Đạt	28/11/2004	3,26	82	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
11	2264802020018	Nguyễn Xuân Lộc	16/10/2001	3,06	87	Tốt	Giỏi		Cử nhân thực hành
12	2264802020020	Sùng Thị Thương	10/11/2003	2,89	82	Tốt	Khá		Cử nhân thực hành

TT	Mã HSSV	Họ và tên	Ngày sinh	TBC HT	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Xếp loại TN	Lý do hạ bậc	Danh hiệu
13	2264802020022	Nguyễn Đức Thịnh	30/09/2001	2,84	79	Khá	Khá		Cử nhân thực hành

Tổng cộng: 113 SV

Lớp

CĐ Kế toán K22A

CĐ Kế toán K22A

CĐ Kế toán K22A

CĐ Kế toán K22A

CĐ Kế toán K22A

CĐ Kế toán K22A

CĐ Kế toán K22A

CĐ Kế toán K22A

CĐ Kế toán K22A

CĐ Kế toán K22A

CĐ Kế toán K22A

CĐ Kế toán K22A

CĐ Kế toán K22A

Lớp

CĐ Kế toán K22A

CĐ Kế toán K22A

CĐ Quản trị khách sạn K22

CĐ Quản trị khách sạn K22

CĐ Quản trị khách sạn K22

CĐ Quản trị khách sạn K22

CĐ Quản trị khách sạn K22

CĐ Quản trị khách sạn K22

CĐ Quản trị khách sạn K22

CĐ Quản trị khách sạn K22

CĐ Quản trị khách sạn K22

CĐ Quản trị khách sạn K22

CĐ Quản trị khách sạn K22

CĐ Quản trị khách sạn K22

CĐ Quản trị khách sạn K22

CĐ Quản trị khách sạn K22

CĐ Quản trị khách sạn K22

CĐ Quản trị khách sạn K22

CĐ Quản trị khách sạn K22

Lớp

CĐ Quản trị khách sạn K22

CĐ Quản trị khách sạn K22

CĐ Quản trị dịch vụ du lịch và du lịch K22

CĐ Quản trị dịch vụ du lịch và du lịch K22

CĐ Quản trị dịch vụ du lịch và du lịch K22

CĐ Quản trị dịch vụ du lịch và du lịch K22

CĐ Quản trị dịch vụ du lịch và du lịch K22

CĐ Quản trị dịch vụ du lịch và du lịch K22

CĐ Quản trị dịch vụ du lịch và du lịch K22

CĐ Quản trị dịch vụ du lịch và du lịch K22

CĐ Quản trị dịch vụ du lịch và du lịch K22

CĐ Quản trị dịch vụ du lịch và du lịch K22

CĐ Quản trị dịch vụ du lịch và du lịch K22
--

CĐ Quản trị dịch vụ du lịch và du lịch K22
--

CĐ Quản trị dịch vụ du lịch và du lịch K22
--

CĐ Tiếng Trung Quốc K22A

CĐ Tiếng Trung Quốc K22A

CĐ Tiếng Trung Quốc K22A

CĐ Tiếng Trung Quốc K22A

Lớp

CĐ Tiếng Trung Quốc K22A
CĐ Tiếng Trung Quốc K22A
CĐ Tiếng Trung Quốc K22A
CĐ Tiếng Trung Quốc K22A
CĐ Tiếng Trung Quốc K22A
CĐ Tiếng Trung Quốc K22A
CĐ Tiếng Trung Quốc K22A
CĐ Tiếng Trung Quốc K22A
CĐ Tiếng Trung Quốc K22A
CĐ Tiếng Trung Quốc K22A
CĐ Tiếng Trung Quốc K22A
CĐ Tiếng Trung Quốc K22A
CĐ Tiếng Trung Quốc K22A
CĐ Tiếng Trung Quốc K22A
CĐ Tiếng Trung Quốc K22A
CĐ Tiếng Trung Quốc K22A
CĐ Tiếng Trung Quốc K22A
CĐ Tiếng Trung Quốc K22A
CĐ Tiếng Trung Quốc K22A
CĐ Tiếng Trung Quốc K22A

Lớp

CĐ Tiếng Trung Quốc K22A

CĐ Tiếng Trung Quốc K22A

CĐ Tiếng Trung Quốc K22A

CĐ Tiếng Trung Quốc K22B

CĐ Tiếng Trung Quốc K22B

CĐ Tiếng Trung Quốc K22B

CĐ Tiếng Trung Quốc K22B

CĐ Tiếng Trung Quốc K22B

CĐ Tiếng Trung Quốc K22B

CĐ Tiếng Trung Quốc K22B

CĐ Tiếng Trung Quốc K22B

CĐ Tiếng Trung Quốc K22B

CĐ Tiếng Trung Quốc K22B

CĐ Tiếng Trung Quốc K22B

CĐ Tiếng Trung Quốc K22B

CĐ Tiếng Trung Quốc K22B

CĐ Tiếng Trung Quốc K22B

CĐ Tiếng Trung Quốc K22B

CĐ Tiếng Trung Quốc K22B

CĐ Tiếng Trung Quốc K22B

Lớp

CĐ Tiếng Trung Quốc K22B

CĐ Tiếng Trung Quốc K22B

CĐ Tiếng Trung Quốc K22B

CĐ Tiếng Trung Quốc K22B

CĐ Tiếng Trung Quốc K22B

CĐ Tiếng Trung Quốc K22B

CĐ Tiếng Trung Quốc K22B

CĐ Tiếng Trung Quốc K22B

CĐ Công nghệ thông tin K22

CĐ Công nghệ thông tin K22

CĐ Công nghệ thông tin K22

CĐ Công nghệ thông tin K22

CĐ Công nghệ thông tin K22

CĐ Công nghệ thông tin K22

CĐ Công nghệ thông tin K22

CĐ Công nghệ thông tin K22

CĐ Công nghệ thông tin K22

CĐ Công nghệ thông tin K22

CĐ Công nghệ thông tin K22

CĐ Công nghệ thông tin K22

Lớp

CĐ Công nghệ thông tin K22